

Số: 124/KH-UBND

Tổng Trân, ngày 06 tháng 8 năm 2026

KẾ HOẠCH
Thực hiện giảm nghèo bền vững năm 2026
và giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn xã Tổng Trân

Căn cứ Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035;

Căn cứ Nghị định số 351/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31 tháng 01 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030;

Căn cứ Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT ngày 27 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn quy trình, phương pháp rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030;

Căn cứ Kế hoạch số 298/KH-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về thực hiện giảm nghèo bền vững năm 2026 và giai đoạn 2026-2030 tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ kết quả quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo năm 2026 trên địa bàn xã Tổng Trân,

Ủy ban nhân dân xã Tổng Trân ban hành Kế hoạch thực hiện giảm nghèo bền vững năm 2026 và giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn xã, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

1. Mục tiêu tổng quát

- Thực hiện giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, bảo đảm bình đẳng giới và an sinh xã hội; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người dân.

- Xác định công tác giảm nghèo bền vững là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của cấp ủy, chính quyền, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan, đơn vị, các thôn và toàn thể Nhân dân; gắn thực hiện mục tiêu giảm nghèo với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới và bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn xã.

- Tập trung hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo khắc phục nguyên nhân nghèo và các chiều thiếu hụt về việc làm, y tế, giáo dục, nhà ở, thông tin, nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường; hỗ trợ phát triển sản xuất, tạo việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện điều kiện sống và chủ động vươn lên thoát nghèo.

- Phát huy vai trò chủ thể, ý chí tự lực, tự cường của người dân; hạn chế tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước; huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực để thực hiện mục tiêu giảm nghèo thực chất, bền vững, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo mới.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Năm 2026

- Theo số liệu quản lý đã được cập nhật đến thời điểm xây dựng Kế hoạch, trên địa bàn xã Tổng Trân có:

+ 36 hộ nghèo với 50 nhân khẩu (Tổng số có 38 hộ, trong đó có 02 hộ đơn thân đã chết);

+ 69 hộ cận nghèo với 124 nhân khẩu;

+ 14 hộ thoát nghèo với 26 nhân khẩu;

+ 34 hộ thoát cận nghèo với 57 nhân khẩu.

- Phân đấu đến hết năm 2026, trên địa bàn xã không còn hộ nghèo theo tiêu chí chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2022-2025.

- Tổ chức rà soát, phân loại và xây dựng phương án hỗ trợ đối với 36/36 hộ nghèo; xác định cụ thể khả năng lao động, nguyên nhân nghèo, từng chiều thiếu hụt và nhu cầu hỗ trợ của từng hộ để thực hiện các giải pháp phù hợp.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp hỗ trợ đối với 69 hộ cận nghèo, góp phần nâng cao thu nhập, cải thiện khả năng tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản, hạn chế nguy cơ rơi xuống hộ nghèo.

- Tiếp tục theo dõi, hỗ trợ 14 hộ thoát nghèo và 34 hộ thoát cận nghèo nhằm duy trì sinh kế, việc làm và thu nhập, phòng ngừa tái nghèo.

2.2. Giai đoạn 2027-2030

- Căn cứ kết quả rà soát đầu kỳ theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030, tổ chức phân tích đầy đủ thực trạng, nguyên nhân nghèo, khả năng lao động, các chiều thiếu hụt và nhu cầu hỗ trợ của từng hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Phân đấu đến hết năm 2030, trên địa bàn xã không còn hộ nghèo theo tiêu chí chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030.

- Hạn chế thấp nhất tình trạng tái nghèo và phát sinh nghèo mới; hỗ trợ hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có việc làm, sinh kế và thu nhập ổn định, nâng cao khả năng tự bảo đảm cuộc sống.

3. Các chỉ tiêu chủ yếu

- 100% hộ nghèo được rà soát, phân loại theo khả năng lao động, nguyên nhân nghèo, từng chiều thiếu hụt và nhu cầu hỗ trợ; mỗi hộ có phương án hỗ trợ cụ thể.

- 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo đủ điều kiện, có nhu cầu vay vốn để đầu tư sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm được hướng dẫn tiếp cận nguồn vốn tín dụng ưu đãi.

- Phân đầu ít nhất 80% người có khả năng lao động, có nhu cầu thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo được hỗ trợ nâng cao năng lực sản xuất, chuyển giao kỹ thuật, đào tạo nghề hoặc hỗ trợ phát triển sinh kế.

- 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trong độ tuổi lao động, có nhu cầu được tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, kết nối và giới thiệu việc làm.

- Phân đầu mỗi hộ nghèo, hộ cận nghèo còn khả năng lao động có ít nhất một thành viên trong độ tuổi lao động có việc làm hoặc sinh kế ổn định, tạo thu nhập thường xuyên.

- 100% người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ tham gia bảo hiểm y tế theo quy định; được tiếp cận thuận lợi các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe ban đầu.

- 100% trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo trong độ tuổi đi học được đến trường và được hưởng đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách giáo dục; không để học sinh bỏ học do hoàn cảnh kinh tế khó khăn.

- 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo có khó khăn về nhà ở, có nhu cầu, đủ điều kiện và cam kết thực hiện được rà soát, đề nghị hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát theo quy định.

- 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu được tiếp cận dịch vụ viễn thông, internet; được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu hợp vệ sinh và được hướng dẫn thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt theo quy định.

- 100% cán bộ, công chức và người trực tiếp tham gia thực hiện công tác giảm nghèo, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo được hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.

II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

- Việc chỉ đạo thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững năm 2026 và giai đoạn 2026-2030 là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên của UBND xã, các phòng chuyên môn, cơ quan, đơn vị, các thôn và cả hệ thống chính trị.

- Tổ chức thực hiện Kế hoạch bảo đảm sát thực tế, đồng bộ, toàn diện, đúng đối tượng; ưu tiên nguồn lực để hỗ trợ hộ nghèo có khả năng thoát nghèo trong năm 2026, hộ

có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, hộ có người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em, người mắc bệnh hiểm nghèo và hộ gặp khó khăn về nhà ở.

- Thực hiện rà soát, cập nhật đầy đủ biến động của hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo; bảo đảm số liệu chính xác, thống nhất, phản ánh đúng thực trạng tại thời điểm quản lý.

- Phân công rõ trách nhiệm của từng phòng, cơ quan, đơn vị, tổ chức chính trị - xã hội và từng thôn trong việc theo dõi, hỗ trợ hộ nghèo. Mỗi hộ nghèo phải được xác định rõ nội dung hỗ trợ, đơn vị phối hợp giúp đỡ, thời gian thực hiện và kết quả dự kiến.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát, hướng dẫn, đôn đốc; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

2. Công tác tuyên truyền, đào tạo, tập huấn

- Đẩy mạnh tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, của tỉnh và của xã về giảm nghèo bền vững; phổ biến đầy đủ đối tượng, điều kiện, nội dung và trình tự thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm nghèo.

- Đa dạng hóa hình thức tuyên truyền như thông qua: hệ thống truyền thanh cơ sở, trang thông tin điện tử, nền tảng số, hội nghị nhân dân, sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và các thôn...

- Tuyên truyền, vận động hộ nghèo, hộ cận nghèo có khả năng lao động chủ động đăng ký học nghề, tìm kiếm việc làm, vay vốn phát triển sản xuất, chuyển đổi phương thức sản xuất, kinh doanh; khắc phục tư tưởng trông chờ, ỷ lại, nâng cao ý thức tự vươn lên thoát nghèo.

- Tuyên truyền, biểu dương, nhân rộng các mô hình sản xuất, kinh doanh hiệu quả, gương điển hình vươn lên thoát nghèo; kịp thời ghi nhận các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp có nhiều đóng góp cho công tác giảm nghèo và an sinh xã hội.

- Tổ chức hoặc cử cán bộ làm công tác giảm nghèo tham gia tập huấn về quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; quản lý dữ liệu; triển khai các chương trình, chính sách, dự án giảm nghèo; kỹ năng theo dõi, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện.

3. Hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo khắc phục các điều thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản

3.1. Hỗ trợ đào tạo nghề, việc làm

- Rà soát đầy đủ người trong độ tuổi lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu học nghề, chuyển đổi nghề nghiệp, tìm kiếm việc làm, tự tạo việc làm hoặc đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài.

- Phối hợp tổ chức tư vấn, định hướng nghề nghiệp; cung cấp thông tin thị trường lao động, nhu cầu tuyển dụng; kết nối người lao động với doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, làng nghề và các đơn vị sử dụng lao động trong và ngoài tỉnh.

- Ưu tiên đào tạo các nghề phù hợp với khả năng của người lao động, điều kiện thực tế của địa phương, nhu cầu của doanh nghiệp và khả năng tạo việc làm tại chỗ.

- Khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất, kinh doanh tham gia đào tạo nghề gắn với tiếp nhận, sử dụng lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo.

3.2. Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế

- Rà soát nhu cầu hỗ trợ cây giống, con giống, vật tư, công cụ, máy móc, thiết bị sản xuất, chuyển giao kỹ thuật và các điều kiện cần thiết khác đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo có khả năng lao động.

- Tổ chức tập huấn, hướng dẫn, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ; xây dựng, nhân rộng các mô hình phát triển sản xuất, chăn nuôi, trồng trọt, tiêu thụ công nghiệp, thương mại, dịch vụ phù hợp với điều kiện thực tế của từng hộ.

- Hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo tham gia tổ hợp tác, hợp tác xã, mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm; hỗ trợ quảng bá, giới thiệu, kết nối tiêu thụ sản phẩm, ứng dụng thương mại điện tử và chuyển đổi số trong sản xuất, kinh doanh.

- Việc hỗ trợ phải căn cứ nhu cầu thực tế, khả năng thực hiện và phương án sản xuất của hộ; bảo đảm công khai, đúng đối tượng, có sự tham gia và cam kết của hộ được hỗ trợ; tránh dàn trải, hình thức, kém hiệu quả.

3.3. Hỗ trợ tiếp cận vốn tín dụng ưu đãi

- Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu, đủ điều kiện vay vốn để phát triển sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm, cải thiện nhà ở và giải quyết các nhu cầu thiết yếu.

- Phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội, các tổ chức nhận ủy thác và tổ tiết kiệm và vay vốn hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ, tạo điều kiện để các hộ tiếp cận nguồn vốn vay.

- Tăng cường kiểm tra, hướng dẫn hộ vay sử dụng vốn đúng mục đích, hiệu quả; hạn chế nợ quá hạn, sử dụng vốn sai mục đích hoặc đầu tư không phù hợp với khả năng của hộ.

3.4. Hỗ trợ về giáo dục

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và các chế độ khác đối với trẻ em, học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định.

- Theo dõi tình hình học tập, chuyên cần của học sinh; kịp thời phát hiện và hỗ trợ các trường hợp có nguy cơ bỏ học do hoàn cảnh kinh tế khó khăn.

- Tăng cường tư vấn, hỗ trợ học tập, hướng nghiệp, phân luồng đối với học sinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; khuyến khích học sinh tiếp tục học tập hoặc tham gia giáo dục nghề nghiệp phù hợp với năng lực và điều kiện gia đình.

- Vận động tổ chức, cá nhân hỗ trợ học bổng, sách giáo khoa, đồ dùng học tập và các điều kiện cần thiết cho trẻ em, học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

3.5. Hỗ trợ về y tế và dinh dưỡng

- Rà soát, bảo đảm người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được cấp thẻ bảo hiểm y tế đầy đủ, kịp thời, đúng đối tượng.

- Nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh; quan tâm người cao tuổi, người khuyết tật, người mắc bệnh hiểm nghèo, bệnh phải điều trị dài ngày và các đối tượng yếu thế thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Triển khai các hoạt động phòng, chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng đối với trẻ em; tuyên truyền, hướng dẫn chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng hợp lý, vệ sinh phòng bệnh và phòng, chống bệnh không lây nhiễm.

3.6. Hỗ trợ về nhà ở

- Tổ chức rà soát cụ thể hộ nghèo, hộ cận nghèo đang ở nhà tạm, nhà dột nát; xác định hiện trạng nhà ở, quyền sử dụng đất, nhu cầu xây mới hoặc sửa chữa, khả năng đối ứng của hộ gia đình.

- Lập danh sách các hộ đủ điều kiện, có nhu cầu và cam kết thực hiện để đề nghị hỗ trợ theo quy định; ưu tiên hộ có người cao tuổi, người khuyết tật, người có công, phụ nữ và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

- Đối với trường hợp còn khó khăn, vướng mắc về đất ở, hồ sơ pháp lý hoặc không có khả năng đối ứng, tổ chức rà soát từng trường hợp, đề xuất giải pháp xử lý hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét.

- Huy động sự tham gia của gia đình, dòng họ, cộng đồng dân cư, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và các nhà hảo tâm cùng hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà ở.

3.7. Hỗ trợ tiếp cận thông tin, nước sạch và vệ sinh môi trường

- Tổ chức thực hiện tốt hoạt động thông tin, truyền thông ở cơ sở; giúp hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận kịp thời các chính sách, thông tin việc làm, khoa học kỹ thuật và các dịch vụ thiết yếu.

- Rà soát các hộ thiếu phương tiện tiếp cận thông tin, dịch vụ viễn thông, internet để có phương án hỗ trợ phù hợp.

- Hỗ trợ, hướng dẫn hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu hợp vệ sinh; thực hiện phân loại, thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt theo quy định.

4. Thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp hỗ trợ tăng thu nhập

4.1. Đối với hộ nghèo có khả năng lao động

- Tổ chức rà soát, phân nhóm các hộ nghèo có thành viên còn khả năng lao động theo nguyên nhân nghèo, nội dung thiếu hụt và nhu cầu hỗ trợ, gồm:

- + Nhóm có nhu cầu học nghề, chuyển đổi nghề nghiệp;

- + Nhóm có nhu cầu tìm kiếm việc làm;

- + Nhóm có khả năng phát triển sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại hoặc dịch vụ;

- + Nhóm có nhu cầu vay vốn để tạo việc làm, phát triển sản xuất, kinh doanh;

+ Nhóm có khả năng lao động, có tư liệu sản xuất nhưng chưa chủ động tham gia lao động, tạo thu nhập.

- Trên cơ sở kết quả rà soát, xây dựng phương án hỗ trợ phù hợp với từng hộ, xác định rõ nội dung hỗ trợ, cơ quan, đơn vị phụ trách, thời gian thực hiện và kết quả cần đạt được.

- Đối với người có nhu cầu tìm kiếm việc làm, tăng cường kết nối với doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, khu, cụm công nghiệp, làng nghề trong và ngoài địa bàn để tạo việc làm, thu nhập ổn định.

- Đối với người có khả năng phát triển sản xuất, tổ chức tập huấn, chuyển giao kỹ thuật, hỗ trợ tiếp cận cây giống, con giống, vật tư, máy móc và nguồn vốn tín dụng ưu đãi.

- Đối với hộ có khả năng lao động nhưng chưa tích cực tham gia lao động, sản xuất, giao tổ chức chính trị - xã hội và thôn thường xuyên tuyên truyền, vận động, hướng dẫn, giúp đỡ để nâng cao ý thức, trách nhiệm, chủ động tạo việc làm và thu nhập.

Mục tiêu: 100% các hộ nghèo có thành viên còn khả năng lao động có việc làm, tăng thu nhập.

4.2. Đối với hộ nghèo không có khả năng lao động

- Rà soát đầy đủ các hộ nghèo không có thành viên có khả năng lao động hoặc có thành viên là người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em, người mắc bệnh hiểm nghèo, người mắc bệnh phải điều trị dài ngày.

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách trợ giúp xã hội, hỗ trợ thu nhập, bảo hiểm y tế, chăm sóc sức khỏe, giáo dục, nhà ở và các chính sách khác theo quy định.

- Triển khai chính sách hỗ trợ thu nhập hằng tháng đối với một số thành viên không có khả năng lao động thuộc hộ nghèo khi chính sách của tỉnh được cấp có thẩm quyền ban hành.

- Phối hợp huy động nguồn lực xã hội hỗ trợ thường xuyên hoặc đột xuất, bảo đảm các đối tượng có mức sống tối thiểu, không bị bỏ sót hoặc chậm hưởng chính sách.

Mục tiêu: 100% hộ nghèo có thành viên không có khả năng lao động được hưởng chính sách hỗ trợ của Nhà nước.

5. Nhiệm vụ trọng tâm năm 2026 và giai đoạn 2027-2030

5.1. Nhiệm vụ trọng tâm năm 2026

- Tổ chức rà soát, phân tích đầy đủ thực trạng của 36 hộ nghèo với 50 nhân khẩu, xác định rõ:

+ Hộ nghèo có thành viên còn khả năng lao động;

+ Hộ nghèo không có thành viên có khả năng lao động;

+ Nguyên nhân nghèo và từng chiều thiếu hụt;

+ Nhu cầu học nghề, việc làm, phát triển sản xuất, vay vốn;

+ Nhu cầu hỗ trợ y tế, giáo dục, nhà ở, thông tin, nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường.

- Xây dựng phương án hỗ trợ riêng đối với từng hộ nghèo theo nguyên tắc: mỗi hộ có một phương án hỗ trợ; có cơ quan, đơn vị hoặc tổ chức trực tiếp phối hợp giúp đỡ; có thời gian thực hiện và kết quả dự kiến cụ thể.

- Tổ chức rà soát, thực hiện các giải pháp phòng ngừa nguy cơ nghèo đối với 69 hộ cận nghèo với 124 nhân khẩu.

- Tiếp tục theo dõi, hỗ trợ duy trì sinh kế, việc làm và thu nhập đối với:

+ 14 hộ thoát nghèo với 26 nhân khẩu;

+ 34 hộ thoát cận nghèo với 57 nhân khẩu.

- Rà soát, phân công trách nhiệm cho các tổ chức chính trị - xã hội phù hợp với từng nhóm đối tượng:

+ Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức thành viên phối hợp hỗ trợ các hộ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

+ Hội Liên hiệp Phụ nữ xã theo dõi, hỗ trợ các hộ có chủ hộ hoặc người trụ cột là phụ nữ;

+ Hội Nông dân xã theo dõi, hỗ trợ các hộ có chủ hộ hoặc người trụ cột là nông dân;

+ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh xã theo dõi, hỗ trợ các hộ có chủ hộ hoặc người trụ cột là thanh niên;

+ Hội Cựu chiến binh xã theo dõi, hỗ trợ các hộ có chủ hộ hoặc người trụ cột là hội viên cựu chiến binh;

- Trong quá trình triển khai, thường xuyên cập nhật nhu cầu của từng hộ để hỗ trợ kịp thời, đúng đối tượng, phù hợp với hoàn cảnh thực tế.

- Phân đầu đến hết năm 2026, hỗ trợ 36/36 hộ nghèo khắc phục nguyên nhân nghèo và các chiều thiếu hụt; trên địa bàn xã không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2022-2025.

5.2. Giai đoạn 2027-2030

- Căn cứ kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo đầu kỳ theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030, tổng hợp, phân tích cụ thể thực trạng từng hộ, từng thành viên có khả năng lao động và từng nhu cầu hỗ trợ.

- Hằng năm, xây dựng chỉ tiêu, nhiệm vụ, phương án hỗ trợ cụ thể; gắn trách nhiệm của từng phòng, cơ quan, đơn vị, tổ chức chính trị - xã hội và từng thôn.

- Ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo có khả năng lao động phát triển sinh kế, học nghề, tìm việc làm, vay vốn và nâng cao thu nhập; thực hiện đầy đủ chính sách an sinh xã hội đối với hộ không có khả năng tự thoát nghèo.

- Tiếp tục theo dõi hộ mới thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo; kịp thời phát hiện, hỗ trợ hộ có nguy cơ tái nghèo hoặc phát sinh nghèo do thiên tai, dịch bệnh, tai nạn, bệnh hiểm nghèo, mất việc làm và các nguyên nhân bất khả kháng khác.

6. Công tác kiểm tra, giám sát

- Tổ chức kiểm tra việc triển khai thực hiện các chương trình, chính sách, dự án giảm nghèo; công tác rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo; việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí và các nguồn lực hỗ trợ.

- Tổng hợp, phân tích nguyên nhân tăng, giảm số hộ nghèo, hộ cận nghèo; đánh giá kết quả, hiệu quả và tác động của từng chính sách, hình thức hỗ trợ.

- Thực hiện công khai danh sách đối tượng, nội dung, mức hỗ trợ và kết quả thực hiện theo quy định; bảo đảm dân chủ, khách quan, minh bạch, không để xảy ra tình trạng bỏ sót đối tượng hoặc lợi dụng, trục lợi chính sách.

- Phát huy vai trò giám sát của Hội đồng nhân dân xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, các tổ chức chính trị - xã hội, Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng và Nhân dân.

- Kịp thời phát hiện, chấn chỉnh sai sót; xử lý hoặc đề nghị xử lý theo thẩm quyền đối với hành vi kê khai không trung thực, xác nhận sai đối tượng, sử dụng nguồn hỗ trợ không đúng mục đích.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn kinh phí

- Nguồn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh phân bổ để thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, chính sách giảm nghèo và an sinh xã hội;

- Nguồn ngân sách xã được bố trí theo phân cấp và khả năng cân đối ngân sách;

- Nguồn vốn tín dụng chính sách;

- Nguồn kinh phí lồng ghép từ các chương trình, đề án, dự án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới, đào tạo nghề, giải quyết việc làm, giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch và vệ sinh môi trường;

- Quỹ “Vì người nghèo”, nguồn vận động từ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, nhà hảo tâm, dòng họ, cộng đồng dân cư và các nguồn huy động hợp pháp khác.

2. Nguyên tắc quản lý, sử dụng

- Việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí thực hiện theo đúng quy định của pháp luật; bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch, đúng mục đích, đúng đối tượng.

- Các phòng, cơ quan, đơn vị căn cứ nhiệm vụ được giao lập dự toán kinh phí, gửi Phòng Kinh tế xã tổng hợp, tham mưu UBND xã xem xét, bố trí theo khả năng cân đối ngân sách hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền hỗ trợ.

- Ưu tiên bố trí nguồn lực cho các hộ có khả năng thoát nghèo trong năm 2026, hộ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, hộ có người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em, người mắc bệnh hiểm nghèo và hộ đang ở nhà tạm, nhà dột nát.

3. Giải pháp huy động nguồn lực

- Lồng ghép hiệu quả nguồn vốn của các Chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, đề án, dự án và nguồn vốn tín dụng chính sách để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch.

- Tăng cường vận động doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, nhà hảo tâm, dòng họ và cộng đồng dân cư cùng tham gia hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo về nhà ở, sinh kế, học tập, chăm sóc sức khỏe và các nhu cầu thiết yếu.

- Khuyến khích hình thức hỗ trợ có địa chỉ cụ thể, phù hợp với nhu cầu của từng hộ, bảo đảm thiết thực, hiệu quả, tránh hỗ trợ trùng lặp hoặc không đúng nhu cầu.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Kinh tế xã

- Là cơ quan đầu mối, chủ trì tham mưu UBND xã triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị và các thôn rà soát, tổng hợp, quản lý dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo; cập nhật kịp thời các biến động phát sinh.

- Phân tích nguyên nhân nghèo, khả năng lao động, từng chiều thiếu hụt và nhu cầu hỗ trợ của từng hộ; tham mưu xây dựng phương án, chỉ tiêu và giải pháp giảm nghèo hằng năm.

- Chủ trì tham mưu triển khai các nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất, chuyển giao kỹ thuật, đa dạng hóa sinh kế, nước sạch, vệ sinh môi trường và nhà ở theo chức năng, nhiệm vụ.

- Phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội, các tổ chức chính trị - xã hội rà soát nhu cầu vay vốn, hướng dẫn hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo tiếp cận nguồn vốn tín dụng ưu đãi.

- Tham mưu cân đối, bố trí kinh phí theo phân cấp; hướng dẫn quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định.

- Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, tổng hợp kết quả thực hiện; tham mưu UBND xã báo cáo cơ quan cấp trên theo quy định.

2. Phòng Văn hóa - Xã hội xã

- Chủ trì rà soát nhu cầu đào tạo nghề, tư vấn, giới thiệu việc làm của người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

- Phối hợp tổ chức tư vấn nghề nghiệp, kết nối việc làm, cung cấp thông tin thị trường lao động; hỗ trợ người lao động tham gia đào tạo nghề phù hợp với khả năng và nhu cầu thực tế.

- Tham mưu thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách trợ giúp xã hội, hỗ trợ thu nhập, bảo hiểm y tế, giáo dục, trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật và các đối tượng yếu thế.

- Chủ trì công tác thông tin, tuyên truyền; tuyên truyền các mô hình, điển hình tiên tiến trong giảm nghèo bền vững.

- Phối hợp với Trạm Y tế xã, các cơ sở giáo dục và các đơn vị liên quan rà soát, hỗ trợ người nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản.

3. Văn phòng HĐND và UBND xã

- Phối hợp tham mưu đưa nội dung giảm nghèo vào chương trình công tác của UBND xã; theo dõi, đôn đốc các phòng, cơ quan, đơn vị thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Phối hợp chuẩn bị nội dung các cuộc họp, hội nghị sơ kết, tổng kết; tổng hợp khó khăn, vướng mắc, báo cáo Chủ tịch UBND xã xem xét, chỉ đạo.

- Thực hiện công tác văn thư, lưu trữ hồ sơ, tài liệu liên quan đến triển khai Kế hoạch theo quy định.

4. Trung tâm Dịch vụ Tổng hợp

- Phối hợp với Phòng Kinh tế, Phòng Văn hóa - Xã hội và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức tuyên truyền về công tác giảm nghèo bền vững trên địa bàn xã.

- Tuyên truyền kịp thời các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, của tỉnh và của xã về giảm nghèo bền vững; thông tin đầy đủ về đối tượng, điều kiện, nội dung và phương thức tiếp cận các chính sách hỗ trợ.

- Xây dựng, biên tập và phát sóng tin, bài, chuyên mục về giảm nghèo bền vững trên hệ thống truyền thanh cơ sở; đăng tải nội dung tuyên truyền trên trang thông tin điện tử và các nền tảng truyền thông của xã.

- Tuyên truyền, vận động hộ nghèo, hộ cận nghèo phát huy tinh thần tự lực, chủ động tham gia lao động, học nghề, tìm kiếm việc làm và phát triển sản xuất; hạn chế tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước.

- Xây dựng tin, bài tuyên truyền, biểu dương và nhân rộng các mô hình giảm nghèo hiệu quả, gương hộ gia đình nỗ lực vươn lên thoát nghèo và các tổ chức, cá nhân tích cực hỗ trợ người nghèo.

5. Trạm Y tế xã

- Rà soát, quản lý sức khỏe người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; phối hợp thực hiện cấp thẻ bảo hiểm y tế, khám bệnh, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu.

- Triển khai các hoạt động phòng, chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng cho trẻ em; tuyên truyền, hướng dẫn người dân thực hiện vệ sinh phòng bệnh và chăm sóc sức khỏe.

- Kịp thời phát hiện, đề xuất hỗ trợ người mắc bệnh hiểm nghèo, bệnh phải điều trị dài ngày và các trường hợp có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

6. Các cơ sở giáo dục trên địa bàn xã

- Rà soát, quản lý học sinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách hỗ trợ giáo dục.

- Theo dõi tình hình học tập, chuyên cần; kịp thời phối hợp với gia đình, thôn và cơ quan chuyên môn hỗ trợ học sinh có nguy cơ bỏ học.

- Tổ chức tư vấn hướng nghiệp, phân luồng; vận động tổ chức, cá nhân hỗ trợ học bổng, sách vở, đồ dùng học tập cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

7. Công an xã

- Phối hợp xác minh thông tin cư trú, nhân khẩu và các biến động có liên quan trong quá trình rà soát, quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định.

- Phối hợp bảo đảm an ninh, trật tự trong quá trình tổ chức các hoạt động giảm nghèo; kịp thời phát hiện, xử lý hoặc đề nghị xử lý hành vi lợi dụng, trục lợi chính sách.

8. Đề nghị Ngân hàng Chính sách xã hội nơi giao dịch với xã

- Phối hợp triển khai các chương trình tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và các đối tượng chính sách.

- Bảo đảm nguồn vốn cho vay; hướng dẫn thủ tục, tạo điều kiện thuận lợi để các hộ đủ điều kiện, có nhu cầu tiếp cận nguồn vốn.

- Phối hợp với các tổ chức nhận ủy thác và tổ tiết kiệm và vay vốn kiểm tra, hướng dẫn hộ vay sử dụng vốn đúng mục đích, hiệu quả; thực hiện thu hồi, quay vòng vốn theo quy định.

9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội

- Tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tích cực tham gia thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững; phát huy truyền thống đoàn kết, tinh thần tương thân, tương ái, giúp đỡ nhau phát triển kinh tế và ổn định cuộc sống.

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã chủ trì vận động, quản lý, sử dụng Quỹ “Vì người nghèo” và các nguồn xã hội hóa theo quy định; ưu tiên hỗ trợ nhà ở, sinh kế và các trường hợp đặc biệt khó khăn.

- Các tổ chức chính trị - xã hội căn cứ đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, phân công cán bộ, hội viên theo dõi, giúp đỡ hộ nghèo; phối hợp quản lý nguồn vốn tín dụng chính sách và hướng dẫn hộ vay sử dụng vốn hiệu quả.

- Tham gia giám sát quá trình rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo và việc thực hiện các chế độ, chính sách giảm nghèo trên địa bàn xã.

10. Ban điều hành các thôn

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung Kế hoạch đến Nhân dân; nắm chắc hoàn cảnh, điều kiện sống, việc làm và thu nhập của từng hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trên địa bàn.

- Phối hợp rà soát, xác định đúng đối tượng, nguyên nhân nghèo, từng chiều thiếu hụt và nhu cầu hỗ trợ; chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin ban đầu được tổng hợp từ địa bàn.

- Theo dõi thường xuyên tình hình đời sống của các hộ; kịp thời báo cáo các trường hợp có biến động, nguy cơ tái nghèo, phát sinh nghèo hoặc gặp khó khăn đột xuất.
- Phối hợp tổ chức thực hiện và giám sát các hoạt động hỗ trợ; vận động cộng đồng dân cư, dòng họ hỗ trợ hộ nghèo vươn lên.

11. Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo

- Cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin về nhân khẩu, lao động, việc làm, thu nhập, tài sản, điều kiện sống và các chiều thiếu hụt.
- Chủ động đăng ký nhu cầu hỗ trợ; tích cực tham gia học nghề, tìm kiếm việc làm, lao động, sản xuất, kinh doanh và thực hiện phương án phát triển kinh tế hộ gia đình.
- Sử dụng nguồn vốn, kinh phí, vật tư và các hình thức hỗ trợ đúng mục đích, hiệu quả; thực hiện đầy đủ các nội dung đã cam kết.
- Nâng cao ý thức tự lực, tự cường, không trông chờ, ỷ lại; chủ động vươn lên thoát nghèo và ổn định cuộc sống.

12. Chế độ thông tin, báo cáo

- Các phòng, cơ quan, đơn vị, tổ chức chính trị - xã hội và các thôn báo cáo kết quả thực hiện về Phòng Kinh tế xã trước ngày 15 của tháng cuối quý; báo cáo kết quả năm trước ngày 15 tháng 12 hằng năm hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.
- Phòng Kinh tế xã chủ trì tổng hợp, tham mưu UBND xã báo cáo kết quả thực hiện với cơ quan cấp trên theo quy định.
- Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các phòng, cơ quan, đơn vị, các thôn kịp thời phản ánh về Phòng Kinh tế xã để tổng hợp, báo cáo UBND xã xem xét, chỉ đạo giải quyết.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện giảm nghèo bền vững năm 2026 và giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn xã Tổng Trân. UBND xã yêu cầu các phòng, cơ quan, đơn vị, các thôn và đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, các tổ chức chính trị - xã hội nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Ban Thường vụ ĐU;
- Thường trực: Đảng ủy, HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- UB MTTQ VN xã và các tổ chức chính trị-xã hội xã;
- Các phòng ban, cơ quan đơn vị có liên quan;
- Hiệu trưởng các nhà trường;
- Các thôn trên địa bàn xã;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đặng Xuân Quân